

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHNCT ngày tháng năm 20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

Tên chương trình : Chương trình đào tạo Kiến trúc

Trình độ đào tạo : Đại học hệ chính quy

Ngành đào tạo : Kiến trúc

Mã số : 7580101

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo Kiến trúc sư có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần yêu nghề, nắm vững và thực hiện đúng đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Có năng lực thiết kế và triển khai các dự án xây dựng công trình.
- Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, kỹ thuật và nghệ thuật cơ sở phù hợp với ngành được đào tạo, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành, liên ngành.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản vững vàng.
- Có kiến thức trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và xã hội nhằm phục vụ cho công tác thiết kế.
- Có kiến thức chuyên môn vững chắc về thiết kế và triển khai các đồ án xây dựng công trình.
- Có kiến thức cơ sở về các ngành có liên quan nhằm phục vụ cho quá trình hợp tác thiết kế thực tế.
- Có năng lực chuyên môn và năng lực ngoại ngữ để tự học suốt đời.
- Có kiến thức công nghệ thông tin phục vụ công việc và đời sống.

1.2.2 Kỹ năng

- Có các kỹ năng cần thiết để phân tích và thể hiện ý tưởng thiết kế.
- Có các kỹ năng cần thiết để triển khai bản vẽ thiết kế.
- Có các kỹ năng cần thiết để hỗ trợ quá trình hành nghề sau khi ra trường.

- Có kỹ năng nghiệp vụ về chuyên môn và có kỹ năng mềm giải quyết công việc và quản lý thời gian; kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo. Theo chương trình đào tạo bổ sung từ các khóa học ngoại khóa (có cấp chứng nhận của Trường).

- Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Nam Cần Thơ; có khả năng sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong lĩnh vực liên quan.

1.2.3. Thái độ

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân.

- Có thái độ học tập và làm việc nghiêm túc.

- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

1.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhiệm công việc thiết kế hoặc triển khai thiết kế tại các văn phòng thiết kế kiến trúc.

- Đảm nhiệm công việc giám sát thiết kế kiến trúc tại các công trình xây dựng.

- Đảm nhiệm các công việc liên quan đến quản lý, tư vấn kiến trúc tại các đơn vị quản lý đô thị của Nhà nước.

1.2.5 Ngoại ngữ, tin học

Đạt kỹ năng về tiếng Anh, tin học và nghề nghiệp theo quy định chung của Nhà trường để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

- Có kiến thức Lý luận chính trị, Khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, hiểu biết về An ninh quốc phòng. Có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất.

- Có kiến thức cơ bản về toán học, khoa học tự nhiên – xã hội, mỹ học và nghệ thuật phù hợp với ngành kiến trúc để tiếp thu, nắm vững những kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, chuyên sâu về kiến trúc.

- Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kiến trúc xây dựng, bao gồm khảo sát đo đạc, phân tích các vấn đề địa lý, môi trường, xã hội của công trình, biết thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế triển khai không gian nội ngoại thất.

- Biết và làm thành thạo phân tích hiện trạng công trình, phác thảo bản vẽ, lập ý tưởng và triển khai chi tiết, giám sát thi công và quản lý khai thác các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

- Có đủ kiến thức đáp ứng nhu cầu học tập ở bậc sau đại học trong ngành ngành Kiến trúc và các ngành gần như: thiết kế đô thị, thiết kế cảnh quan, quy hoạch đô thị, quản lý đô thị và xây dựng tại các trường trong và ngoài nước.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng chuyên môn

- Phác thảo và đưa ý tưởng cho một công trình kiến trúc.
- Đọc bản vẽ thành thạo; vẽ, thiết kế bản vẽ kiến trúc, kết cấu một công trình dân dụng và công nghiệp.
- Nghiên cứu, thực nghiệm và khám phá tri thức các vấn đề kỹ thuật xây dựng, kiến trúc.
- Có khả năng tư duy và suy nghĩ có hệ thống các vấn đề về kỹ thuật xây dựng, đồng thời sáng tạo phát triển các biện pháp, phương án, công nghệ xây dựng mới.
- Có khả năng hình thành các ý tưởng mới, công nghệ mới về kiến trúc, kết cấu, thi công các công trình xây dựng.
- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng, phần mềm vào thực tiễn thiết kế và thi công.
- Có năng lực sáng tạo, phát triển và áp dụng các phần mềm mới, công nghệ mới làm thay đổi mạnh mẽ trong thiết kế và thi công, quản lý xây dựng.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- Các kỹ năng cá nhân: có khả năng làm việc độc lập, năng động, sáng tạo trong chuyên môn, nghề nghiệp; có khả năng tự nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào giải quyết các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ.
- Kỹ năng làm việc nhóm: Có khả năng hợp tác, tổ chức, và làm việc nhóm.
- Kỹ năng giao tiếp: hiệu quả, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, ra quyết định.
- Sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại về công nghệ thông tin, phần mềm, kỹ năng sử dụng tin học đạt trình độ cơ bản và nâng cao (trình độ B).
- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ tiếng Anh đạt Chuẩn trình độ B để giao tiếp, học tập, nghiên cứu, trong lĩnh vực chuyên môn và trong quản lý.

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1 Phẩm chất đạo đức cá nhân

Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức cá nhân. Có tinh thần lao động nghiêm túc, trung thực, khách quan.

2.3.2 Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

Có lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tác phong công nghiệp, có trách nhiệm khi giải quyết các vấn đề khoa học kỹ thuật và công nghệ.

Có tinh thần học hỏi, cầu tiến, hợp tác với đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm, tinh cộng đồng trong công việc và đời sống.

Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn ngành kiến trúc, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, lập luận.

2.3.3 Phẩm chất đạo đức xã hội

Hiểu biết những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững và thực thi pháp luật Việt Nam.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 165 tín chỉ (chưa kể 11 Tín chỉ GDTC và GDQP-An ninh)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Kiến thức giáo dục đại cương	27
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	138
- Kiến thức cơ sở ngành	38
- Kiến thức ngành và chuyên ngành	88
- Thực tập, Khóa luận tốt nghiệp, đồ án	12
Tổng	165

4. Đối tượng tuyển sinh

Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia hoặc xét điểm học bạ quá trình học tập ở bậc THPT theo tổ hợp các môn học theo ngành và xét tuyển trong cả nước.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện đúng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
- Đạt trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường.
- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Giáo dục thể chất; Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện đúng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

7. Nội dung chương trình

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC		
		Tổng	LT	TH/TL
7.1	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	27	26	1
7.1.1	<i>Lý luận chính trị</i>	10	10	0
1	Triết học	2	2	0
2	Kinh tế chính trị	2	2	0
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	1	0
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3	0
7.1.2	<i>Khoa học xã hội và nhân văn</i>	2	2	0
1	Pháp luật đại cương	2	2	0
7.1.3	<i>Ngoại ngữ (tiếng Anh)</i>	9	9	0
1	Anh văn căn bản 1	3	3	0
2	Anh văn căn bản 2	3	3	0
3	Anh văn 3 (chuyên ngành Kiến trúc)	3	3	0
7.1.4	<i>Khoa học tự nhiên</i>	6	5	1
1	Toán cao cấp 1	3	3	0
2	Tin học căn bản	2	2	1
7.1.5	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	3	0
1	<i>Giáo dục thể chất 1*</i>	1	0	1
2	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	1	0	1
3	<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	1	0	1
7.1.6	<i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh*</i>	8	5	3
7.2	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	138	70	68
7.2.1	<i>Kiến thức cơ sở của khối ngành và nhóm ngành</i>	38	23	15
1	Hình học họa hình	3	3	0
2	Kiến trúc nhập môn	2	2	0
3	Hội họa 1	2	0	2
4	Hội họa 2	2	0	2
5	Điêu khắc	2	0	2
6	Vật liệu xây dựng	2	2	0
7	Vật liệu xây dựng - Thực hành	1	0	1

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC		
		Tổng	LT	TH/TL
8	Bài tập cơ sở kiến trúc 1	2	0	2
9	Bài tập cơ sở kiến trúc 2	2	0	2
10	Bài tập cơ sở kiến trúc 3	2	0	2
11	Vẽ ghi kiến trúc	2	0	2
12	Cấu tạo kiến trúc 1	2	2	0
13	Cấu tạo kiến trúc 2	2	2	0
14	Cấu tạo kiến trúc 3	2	2	0
15	Cấu tạo kiến trúc 4	2	2	0
16	Cơ học công trình	3	3	0
17	Kết cấu công trình	3	3	0
Tự chọn (chọn 1 trong 2)		2	2	0
18	Mỹ học đại cương	2	2	0
	Lịch sử nghệ thuật*	2	2	0
7.2.2	<i>Kiến thức ngành và chuyên ngành</i>	88	47	41
	Bắt buộc	55	45	10
1	Tin học ứng dụng 1- Autocad	3	1	2
2	Tin học ứng dụng 2- Revit	3	1	2
3	Lịch sử kiến trúc phương Đông và Việt Nam	3	3	0
4	Nguyên lý thiết kế công trình công cộng	3	3	0
5	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà ở	2	2	0
6	Nguyên lý thiết kế kiến trúc công nghiệp	2	2	0
7	Đồ án sáng tác cơ sở	2	0	2
8	Quy hoạch đô thị	2	2	0
9	Quy hoạch đô thị - Đồ án	1	0	1
10	Hệ thống trang thiết bị công trình 1 (ánh sáng)	2	2	0
11	Hệ thống trang thiết bị công trình 2 (cấp thoát nước)	2	2	0
12	Quang học	2	2	0
13	Âm học	2	2	0
14	Khí hậu kiến trúc	2	2	0
15	Bố cục tạo hình	2	2	0
16	Thiết kế nhanh 1	1	0	1
17	Thiết kế nhanh 2	1	0	1
18	Thiết kế nhanh 3	1	0	1
19	Chuyên đề 1: Tạo hình - trang trí kiến trúc	2	2	0
20	Chuyên đề 2: Kiến trúc và môi trường	2	2	0

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC		
		Tổng	LT	TH/TL
21	Chuyên đề 3: Kết cấu nhà cao tầng	2	2	0
22	Chuyên đề 5: Kiến trúc đương đại nước ngoài	2	2	0
23	Phương pháp NC và viết BC khoa học	2	2	0
24	Tổ chức thi công	2	2	0
25	Kỹ thuật thi công	2	2	0
26	Luật xây dựng	3	3	0
27	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	2	0
Tự chọn (chọn 1 trong 2)		33	2	31
1	Đồ án 1B: Nhà ở 1 – Loại hình biệt thự	3	0	3
	Đồ án 1B: Nhà ở 2 – Loại hình Nhà liên kế			
2	Đồ án 2A: Nhà công cộng 1 – Loại hình dịch vụ công cộng	3	0	3
	Đồ án 2B: Nhà công cộng 1 – Loại hình phục vụ sinh hoạt			
3	Đồ án 3A: Nhà công cộng 2 – Loại hình Hành chính	3	0	3
	Đồ án 3B: Nhà công cộng 2 – Loại hình Giao thông (Nhà ga, Bến xe, Tàu điện ngầm)			
4	Đồ án 4A: Nhà công cộng 3 – Loại hình Thương mại	3	0	3
	Đồ án 4B: Nhà công cộng 3 – Loại hình văn hóa			
5	Đồ án 5A: Nhà ở 2 + Nội thất – Loại hình Nhà chung cư	3	0	3
	Đồ án 5B: Nhà ở 2 + Nội thất – Loại hình Nhà văn phòng			
6	Đồ án 6A: Nhà công cộng 4 – Loại hình Giáo dục	3	0	3
	Đồ án 6B: Nhà công cộng 4 – Loại hình Y tế			
7	Đồ án 7A: Nhà công nghiệp 1 – (Tự nhiên)	3	0	3
	Đồ án 7B: Nhà công nghiệp 2– (Nhân tạo)			
8	Đồ án 8A: Nhà công cộng 5 + Ngoại thất – Loại hình thể dục thể thao	3	0	3
	Đồ án 8B: Nhà công cộng 5 + Ngoại thất – Loại hình văn hóa			
9	Đồ án 9A: Quy hoạch khu dân cư	3	0	3
	Đồ án 9B: Quy hoạch khu trung tâm hành chính			
10	Đồ án tổng hợp A: Chung cư cao tầng	4	0	4

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC		
		Tổng	LT	TH/TL
	Đồ án tổng hợp B: Cao ốc văn phòng			
11	Kiến trúc khí hậu nhiệt đới	2	2	0
	Kiến trúc cảnh quan			
7.2.3	<i>Thực tập tốt nghiệp và làm đồ án tốt nghiệp</i>	12	2/0	12/10
1	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
<i>Nhóm 1: Làm đồ án tốt nghiệp</i>				
1	Đồ án tốt nghiệp	8	0	8
<i>Nhóm 2: Không làm Đồ án tốt nghiệp thì học 2 môn thay thế</i>				
1	Phong thủy nhà ở	2	2	0
2	Chuyên đề tổng hợp – Kiến trúc	6	0	6

Kế hoạch giảng dạy

❖ Học kỳ 1

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
1	Hình học họa hình	3	45	0
2	Hội họa 1	2	0	60
3	Anh văn căn bản 1	3	45	0
4	Giáo dục quốc phòng - An ninh*	8*	0	240*
5	Giáo dục thể chất 1*	1*	0	30*
6	Triết học	2	30	0
7	Pháp luật đại cương	2	30	0
8	Toán cao cấp 1	3	45	0
Tổng		15	195	60

(chưa bao gồm 9 tín chỉ GDTC và GDQP-AN)

❖ Học kỳ 2:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
1	Bài tập cơ sở kiến trúc 1	2	0	60
2	Hội họa 2	2	0	60
3	Kiến trúc nhập môn	2	30	0
4	Vẽ ghi kiến trúc	2	0	60
5	Kinh tế chính trị	2	30	0
6	Anh văn căn bản 2	3	45	0
7	Giáo dục thể chất 2*	1*	0	30*

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	15	0
9	Tin học căn bản	3	30	30
Tổng		17	150	210

(chưa bao gồm 01 tín chỉ GDTC)

❖ Học kỳ 3

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
1	Bài tập cơ sở kiến trúc 2	2	0	60
2	Cấu tạo kiến trúc 1	2	30	0
3	Điêu khắc	2	0	60
4	Luật xây dựng	3	45	0
5	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà ở	2	30	0
6	Vật liệu xây dựng	2	30	0
7	Giáo dục thể chất 3*	1*	0	30*
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0
9	Vật liệu xây dựng - Thực hành	1	0	30
Học phần tự chọn		2		
10	Lịch sử nghệ thuật *	2	30	0
	Mỹ học đại cương	2	30	0
Tổng		18	195	150

(chưa bao gồm 1 tín chỉ GDTC)

❖ Học kỳ 4

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
1	Bài tập cơ sở kiến trúc 3	2	0	60
2	Cơ học công trình	3	45	0
3	Chuyên đề 1: Tạo hình – Trang trí kiến trúc	2	30	0
4	Đồ án sáng tác cơ sở	2	0	60
5	Đường lối CM Của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	0
Học phần tự chọn (chọn A hoặc B)		6		
6	Đồ án 1A: Nhà ở 1 – Loại hình biệt thự *	3	0	90
	Đồ án 1B: Nhà ở 1 – Loại hình Nhà liên kế			
7	Đồ án 2A: Nhà công cộng 1- LH DV công cộng *	3	0	90
	Đồ án 2B: Nhà ở 1 – LH PV sinh hoạt			
Tổng		18	120	300

❖ Học kỳ 5

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
1	Cấu tạo kiến trúc 2	2	30	0
2	Chuyên đề 2: Kiến trúc & môi trường	2	30	0
3	Nguyên lý thiết kế công trình công cộng	3	45	0
4	Tin học ứng dụng 1 (Autocad)	3	15	60
5	Thiết kế nhanh 1	1	0	30
Học phần tự chọn (chọn A hoặc B)		6		
6	Đồ án 3A: Nhà công cộng 2 – LH hành chính *	3	0	90
	Đồ án 3B: Nhà công cộng 2 – LH Giao thông			
7	Đồ án 4A: Nhà công cộng 3- LH thương mại *	3	0	90
	Đồ án 4B: Nhà công cộng 3 – LH văn hóa			
Tổng		17	120	270

❖ Học kỳ 6

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
1	Anh văn chuyên ngành (kiến trúc)	3	45	0
2	Cấu tạo kiến trúc 3	2	30	0
3	Chuyên đề 3: Kết cấu nhà cao tầng	2	30	0
4	Nguyên lý thiết kế kiến trúc Công nghiệp	2	30	0
5	Tin học ứng dụng 2 (Revit)	3	15	60
Học phần tự chọn (chọn A hoặc B)		6	0	180
6	Đồ án 5A: Nhà ở 2 + Nội thất – Nhà chung cư*	3	0	90
	Đồ án 5B: Nhà ở 2 + Nội thất – LH nhà VP			
7	Đồ án 6A: Nhà công cộng 4- LH Giáo dục*	3	0	90
	Đồ án 6B: Nhà công cộng 4 – LH Y tế			
Tổng		18	150	240

❖ Học kỳ 7

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
1	Bố cục tạo hình	2	30	0
2	Chuyên đề 5: Kiến trúc đương đại nước ngoài	2	30	0
3	Kết cấu công trình	3	45	0

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
4	Qui hoạch đô thị	2	30	0
5	Qui hoạch đô thị đồ án	1	0	30
6	Thiết kế nhanh 2	1	0	30
Học phần tự chọn (chọn A hoặc B)		6		
7	Đồ án 7A: Nhà công nghiệp – (tự nhiên) *	3	0	90
	Đồ án 7B: Nhà công nghiệp – (nhân tạo)			
8	Đồ án 8A: Nhà công cộng 5+ Ngoại thất – LH TDTT*	3	0	90
	Đồ án 8B: Nhà công cộng 5 + Ngoại thất – LH Văn hóa			
Tổng		17	135	240

❖ Học kỳ 8

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
1	Âm học kiến trúc	2	30	0
2	Cấu tạo kiến trúc 4	2	30	0
3	Hệ thống trang thiết bị công trình 1 – Ánh sáng	2	30	0
4	Hệ thống trang thiết bị công trình 2 – Cấp thoát nước	2	30	0
5	Quang học kiến trúc	2	30	
6	Thiết kế nhanh 3	1	0	30
Học phần tự chọn (chọn A hoặc B)		5		
7	Đồ án 9A: Qui hoạch khu dân cư *	3	0	90
	Đồ án 9B: Qui hoạch khu trung tâm hành chính			
8	Kiến trúc khí hậu nhiệt đới	2	30	0
	Kiến trúc cảnh quan*			
Tổng		16	180	120

❖ Học kỳ 9

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
1	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	30	0
2	Kỹ thuật thi công	2	30	0
3	Khí hậu kiến trúc	2	30	0

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
4	Lịch sử kiến trúc Phương Đông và Việt Nam	3	45	0
5	Tổ chức thi công	2	30	0
Học phần tự chọn		4		
6	Đồ án tổng hợp A: Chung cư cao tầng Đồ án tổng hợp B: Cao ốc văn phòng *	4	0	120
Tổng		15	165	120

❖ **Học kỳ 10:**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết theo TC	
			LT	TH/TL
Học phần bắt buộc				
1	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2	30	0
2	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120
Nhóm 1: Làm đồ án tốt nghiệp				
3	Đồ án tốt nghiệp (Kiến trúc ĐH)	8	0	240
Nhóm 2: Không làm ĐATN thì học 2 môn thay thế				
4	Phong thủy nhà ở	2	30	0
5	Chuyên đề tổng hợp - Kiến trúc	6	0	180
Tổng		14	60	300

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình này được áp dụng cho bậc đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 3 gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải thực hiện;

+ Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 3) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi giảng dạy.

- Trong đề cương chi tiết các học phần cần nêu rõ nội dung trọng tâm, phải kiểm tra định kỳ và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu,

tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những tài liệu liên quan nào, ở đâu?

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 10 học kỳ chính. Ngoài 10 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện học lại; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học tập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập, sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và khối lượng của các học phần, phòng Đào tạo và các Khoa cần điều chỉnh cho phù hợp.

Chương trình này được định kỳ xem xét, hiệu chỉnh hai năm/1 lần nhằm đáp ứng sự phát triển của Kiến trúc và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, và hội nhập.

Khoa KT-XD &MT

Phòng Đào tạo

Ban Giám hiệu